TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2022 *V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thế Hanh

2. Ông Nguyễn Xuân Trường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Huệ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:***Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung- Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 198/2022/TLST-DS ngày 13/7/2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị D, sinh năm 1993.

ĐKHKTT: Thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Thôn ĐC, xã TT, huyện Yên Thếm, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1993.

Cư trú: Tổ dân phố SL, Thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là chị Hà Thị D trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn Q ngày 11/3/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc

Giang. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, anh Q chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau, chị yêu cầu được ly hôn anh Trần Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Hà TV, sinh ngày 18/6/2014 và Trần Hà BY, sinh ngày 04/11/2016. Hai con đang ở cùng với chị. Vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Do điều kiện công việc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

* Bị đơn là anh Trần Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện trong hồ sơ, anh Q trình bày: Anh và chị Hà Thị D kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thường Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng bố mẹ đẻ của anh. Lúc đầu vợ chồng chung sống hòa thuận nhưng do vợ chồng có khúc mắc không giải quyết được, chị D đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 4/2022 đến nay. Gia đình có khuyên bảo, đón chị D về đoàn tụ nhưng chị D không về và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng nếu chị D vẫn kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Hà TV, sinh ngày 18/6/2014 và Trần Hà BY, sinh ngày 04/11/2016. Hai con hiện đang ở cùng chị D. Các cháu vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường. Vợ chồng ly hôn anh mong muốn được nuôi dưỡng cháu TV. Nếu chị D yêu cầu được nuôi cả hai con thì anh cũng đồng ý để các con có chị có em. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có.

Do công việc bận nên anh đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238;

Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ tình cảm: Chị Hà Thị D được ly hôn anh Trần Văn Q

Về con chung: Giao hai con chung là Trần Hà TV, sinh ngày 18/6/2014 và Trần Hà BY, sinh ngày 04/11/2016 cho chị Hà Thị D nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do chị D không yêu cầu.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị D và anh Trần Văn Q kết hôn ngày 11/3/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Thắng (nay là Thị trấn Th), huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của chị D và anh Q thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng hiện không còn chung sống với nhau. Chị D yêu cầu ly hôn, anh Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị D được ly hôn anh Q (theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình).

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Hà TV, sinh ngày 18/6/2014 và Trần Hà BY, sinh ngày 04/11/2016. Hiện con chung đang ở cùng chị D. Vợ chồng ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh Q yêu cầu được nuôi dưỡng cháu TV nhưng nếu chị D yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung thì anh đồng ý với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị D. Để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường về tâm lý và tình cảm, đồng thời để giảm thiểu sự xáo trộn về môi trường sống của con chung nên cần giao các con chung cho chị Hà Thị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ tình cảm: Chị Hà Thị D được ly hôn anh Trần Văn Q.

2, Về con chung: Giao hai con chung là Trần Hà TV, sinh ngày 18/6/2014 và Trần Hà BY, sinh ngày 04/11/2016 cho chị Hà Thị D nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3, Về án phí: Chị Hà Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008198 ngày 14/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị D đã thi hành xong án phí DSST.

4, Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND TT Thắng, huyện Hiệp Hòa,;
Tỉnh Bắc Giang
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Lưu hs, vp.

Phạm Thị Chuyền